BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 61/2015/TT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2015*

THÔNG TƯ
Quy định về cấp và quản lý Chứng chỉ định giá đất

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định về cấp và quản lý Chứng chỉ định giá đất.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về cấp và quản lý Chứng chỉ định giá đất.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cá nhân đề nghị cấp Chứng chỉ định giá đất; cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc cấp và quản lý Chứng chỉ định giá đất.

Chương II
CẤP VÀ QUẢN LÝ CHỨNG CHỈ ĐỊNH GIÁ ĐẤT

Điều 3. Mẫu Chứng chỉ định giá đất

1. Chứng chỉ định giá đất do Bộ Tài nguyên và Môi trường phát hành theo một mẫu thống nhất và được áp dụng trong phạm vi cả nước. Chứng chỉ định giá đất gồm một tờ có 04 trang, trang bìa (trang 1 và trang 4) in nền màu nâu đỏ và trang nội dung

(trang 2 và trang 3) in nền hoa văn trống đồng màu vàng nhạt, Chứng chỉ có kích thước 130mm x 190mm (gọi là mẫu Chứng chỉ định giá đất); gồm các nội dung chính như sau:

a) Trang 1 gồm Quốc hiệu, Quốc huy và dòng chữ "**CHỨNG CHỈ ĐỊNH GIÁ ĐẤT**", màu nhũ vàng.

b) Trang 2 in chữ màu đen gồm: dòng chữ "**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**"; ảnh của học viên; "Có giá trị đến:" và "Số Chứng chỉ:".

Số Chứng chỉ bao gồm 07 chữ số, trong đó: 03 số đầu là số thứ tự của Chứng chỉ bắt đầu từ số 001 đến 999, tiếp theo là số hiệu của sổ Chứng chỉ gồm 2 chữ số bắt đầu từ 01 đến 10 và năm cấp Chứng chỉ gồm 2 chữ số cuối của năm cấp.

c) Trang 3 in chữ màu đen gồm: dòng chữ Quốc hiệu; "**CHỨNG CHỈ ĐỊNH GIÁ ĐẤT**"; "**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**"; "Cấp cho ông/bà:"; "Ngày sinh:"; "Quốc tịch:"; "Số CMND/CCCD/Hộ chiếu"; "Ngày cấp"; "Nơi cấp"; "Được hành nghề tư vấn xác định giá đất trong phạm vi cả nước"; ngày, tháng, năm ký Chứng chỉ định giá đất; người ký Chứng chỉ định giá đất.

d) Trang 4 in chữ màu trắng gồm: dòng chữ "Người được cấp Chứng chỉ định giá đất phải chấp hành các quy định sau đây:

1. Không được sửa chữa, tẩy xóa lên bề mặt hoặc nội dung của Chứng chỉ định giá đất.

2. Không được cho thuê, cho mượn hoặc cho các tổ chức, cá nhân khác sử dụng tên và Chứng chỉ định giá đất của mình để thực hiện các hoạt động tư vấn xác định giá đất.

3. Không được sử dụng vào các mục đích khác mà pháp luật không cho phép."

2. Nội dung và hình thức cụ thể của Chứng chỉ định giá đất quy định tại Khoản 1 Điều này thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Tổng cục Quản lý đất đai có trách nhiệm tổ chức in và quản lý mẫu Chứng chỉ định giá đất.

Điều 4. Điều kiện được cấp Chứng chỉ định giá đất

Cá nhân được cấp Chứng chỉ định giá đất phải có đủ các điều kiện sau:

1. Có năng lực hành vi dân sự.

2. Có phẩm chất đạo đức, liêm khiết, trung thực, khách quan.

3. Có trình độ chuyên môn theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 20 của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất (sau đây gọi là Nghị định số 44/2014/NĐ-CP).

4. Có thời gian công tác theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 20 của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP.

5. Có Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa bồi dưỡng về định giá đất theo chương trình bồi dưỡng về định giá đất do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.

Điều 5. Trình tự, thủ tục cấp Chứng chỉ định giá đất

1. Hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ định giá đất gồm có:

a) Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ định giá đất theo mẫu quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa bồi dưỡng về định giá đất;

c) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học ngành hoặc chuyên ngành quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 20 của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP;

d) Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu (sau đây gọi là giấy tờ tùy thân) của người đề nghị cấp Chứng chỉ định giá đất;

đ) Giấy xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi công tác về thời gian công tác theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này;

e) Hai (02) ảnh màu cỡ 4 x 6 cm chụp trong thời gian không quá 06 tháng tính đến ngày đề nghị cấp Chứng chỉ định giá đất.

Các loại giấy tờ quy định tại các Điểm b, c, d và đ Khoản này là bản sao có chứng thực; trường hợp không có chứng thực thì người đề nghị cấp Chứng chỉ định giá đất phải mang bản chính để đối chiếu khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ định giá đất tại Văn phòng tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường (sau đây gọi là Văn phòng một cửa).

2. Trình tự, thủ tục tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ định giá đất thực hiện như sau:

a) Nộp hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ định giá đất: Người đề nghị cấp Chứng chỉ định giá đất nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp tại Văn phòng một cửa hoặc gửi qua đường bưu điện đến Văn phòng một cửa - Bộ Tài nguyên và Môi trường; địa chỉ: số 10 Tôn Thất Thuyết, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội;

b) Thời gian nhận hồ sơ: Sáng từ 8 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút; chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ 00 phút từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ ngày nghỉ lễ, tết);

c) Việc tiếp nhận hồ sơ của Văn phòng một cửa:

Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại Văn phòng một cửa, công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận và viết giấy hẹn ngày trả kết quả cho người nộp hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định; hướng dẫn bổ sung hồ sơ đối với trường hợp chưa đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.

Đối với trường hợp gửi qua đường bưu điện đến Văn phòng một cửa, công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận và thông báo ngày trả kết quả cho người nộp hồ sơ qua điện thoại hoặc qua email đối với trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định; hướng dẫn bổ sung hồ sơ qua điện thoại hoặc qua email đối với trường hợp chưa đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định;

d) Văn phòng một cửa gửi hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ định giá đất đến Tổng cục Quản lý đất đai trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

đ) Tổng cục Quản lý đất đai có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, đối với trường hợp đủ điều kiện cấp Chứng chỉ định giá đất thì Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai xem xét, ký thừa ủy quyền (TUQ) Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định cấp Chứng chỉ định giá đất trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Quyết định về việc cấp Chứng chỉ định giá đất theo mẫu quy định tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này;

e) Tổng cục Quản lý đất đai có trách nhiệm gửi Chứng chỉ định giá đất đến Văn phòng một cửa trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày ký quyết định cấp Chứng chỉ định giá đất.

3. Trình tự, thủ tục trả kết quả cấp Chứng chỉ định giá đất:

a) Cá nhân đề nghị cấp Chứng chỉ định giá đất nhận kết quả trực tiếp tại Văn phòng một cửa hoặc qua đường bưu điện;

b) Công chức trả Chứng chỉ định giá đất có trách nhiệm kiểm tra giấy tờ tùy thân, giấy hẹn trả kết quả của người đề nghị cấp Chứng chỉ định giá đất; hướng dẫn người đến nhận Chứng chỉ định giá đất ký nhận vào sổ cấp Chứng chỉ định giá đất và trao Chứng chỉ định giá đất; đối với trường hợp gửi qua đường bưu điện thì hướng dẫn nhân viên bưu điện ký nhận vào sổ cấp Chứng chỉ định giá đất;

c) Thời gian trả kết quả cấp Chứng chỉ định giá đất: Sáng từ 8 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút; chiều từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ 00 phút từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ ngày nghỉ lễ, tết).

Điều 6. Trình tự, thủ tục cấp đổi, cấp lại Chứng chỉ định giá đất

1. Cá nhân được cấp đổi Chứng chỉ định giá đất đối với trường hợp Chứng chỉ đã hết thời hạn; được cấp lại Chứng chỉ định giá đất đối với trường hợp Chứng chỉ bị mờ, rách, nát hoặc bị mất.

2. Hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng chỉ định giá đất gồm có:

a) Đơn đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng chỉ định giá đất theo mẫu quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa bồi dưỡng về định giá đất trong thời hạn không quá 01 năm tính đến ngày đề nghị cấp đổi Chứng chỉ định giá đất đối với trường hợp cấp đổi Chứng chỉ định giá đất (bản sao có chứng thực; trường hợp bản sao không có chứng thực thì người đề nghị cấp đổi Chứng chỉ định giá đất phải mang bản chính để đối chiếu);

c) Chứng chỉ định giá đất đã cấp đối với trường hợp cấp đổi hoặc cấp lại Chứng chỉ định giá đất do bị mờ, rách, nát;

d) Giấy tờ có xác nhận của cơ quan công an hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đối với trường hợp bị mất Chứng chỉ định giá đất;

đ) Hai (02) ảnh màu cỡ 4 x 6 cm chụp trong thời gian không quá 06 tháng tính đến ngày đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng chỉ định giá đất.

3. Trình tự, thủ tục nhận hồ sơ và trả kết quả cấp đổi, cấp lại Chứng chỉ định giá đất thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này.

Điều 7. Thời hạn của Chứng chỉ định giá đất

1. Chứng chỉ định giá đất có giá trị trong thời hạn 05 năm, trừ trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ định giá đất theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này.

Đối với trường hợp cấp lại Chứng chỉ định giá đất thì thời hạn của Chứng chỉ là thời hạn còn lại của Chứng chỉ định giá đất đã cấp.

2. Chứng chỉ định giá đất có giá trị pháp lý để cá nhân hành nghề tư vấn xác định giá đất trong tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất quy định tại Điều 20 của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP.

Điều 8. Thu hồi Chứng chỉ định giá đất

1. Chứng chỉ định giá đất bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Sửa chữa, giả mạo hoặc gian lận về bằng cấp, giấy chứng nhận, kê khai không trung thực về quá trình và thời gian làm việc để đủ điều kiện cấp Chứng chỉ định giá đất quy định tại Điều 4 của Thông tư này;

b) Người được cấp Chứng chỉ định giá đất mất năng lực hành vi dân sự;

c) Người được cấp Chứng chỉ định giá đất cho người khác mượn, thuê để hành nghề tư vấn xác định giá đất;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc thu hồi Chứng chỉ định giá đất căn cứ vào báo cáo kiểm tra, kết luận thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định hành vi vi phạm, bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân đối với các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều này, Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai xem xét, ký thừa ủy quyền (TUQ) Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định thu hồi Chứng chỉ định giá đất theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này.

Quyết định thu hồi Chứng chỉ định giá đất được gửi tới người bị thu hồi, cơ quan công tác của người bị thu hồi, đồng thời đăng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Quản lý đất đai; người bị thu hồi Chứng chỉ định giá đất có trách nhiệm nộp lại Chứng chỉ định giá đất tại Văn phòng một cửa và ký biên bản thu hồi Chứng chỉ định giá đất trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định.

Người bị thu hồi Chứng chỉ định giá đất không được hành nghề tư vấn xác định giá đất kể từ ngày quyết định thu hồi Chứng chỉ định giá đất có hiệu lực thi hành.

4. Người bị thu hồi Chứng chỉ định giá đất có quyền khiếu nại về việc thu hồi Chứng chỉ định giá đất theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

Điều 9. Kinh phí cấp Chứng chỉ định giá đất

Kinh phí phục vụ cho việc cấp, cấp đổi, cấp lại Chứng chỉ định giá đất sử dụng nguồn kinh phí được giao chi thường xuyên theo chức năng của Tổng cục Quản lý đất đai.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2016.

2. Thông tư này bãi bỏ Điều 36 của Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất, xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

1. Tổng cục Quản lý đất đai có trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai có trách nhiệm ký thừa ủy quyền (TUQ) Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định cấp, cấp đổi, cấp lại, thu hồi Chứng chỉ định giá đất; định kỳ báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về kết quả cấp, cấp đổi, cấp lại và thu hồi Chứng chỉ định giá đất trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. Văn phòng một cửa có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp Chứng chỉ định giá đất; phối hợp với Tổng cục Quản lý đất đai trong việc cấp, cấp đổi, cấp lại và thu hồi Chứng chỉ định giá đất theo quy định.

4. Tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất có trách nhiệm quản lý cá nhân hành nghề tư vấn xác định giá đất trong tổ chức và định kỳ báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường (thông qua Tổng cục Quản lý đất đai) trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

5. Văn phòng Bộ, Vụ Pháp chế, Vụ Tổ chức cán bộ và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài nguyên và Môi trường để xem xét, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Hồng Hà

Phụ lục số 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2015/TT-BTNMT ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

MẪU CHỨNG CHỈ ĐỊNH GIÁ ĐẤT

Trang 1:

Trên cùng là Quốc hiệu: "**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**" được trình bày bằng phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 12, viết in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu nhũ vàng. Tiếp đến là hình Quốc huy nổi, màu nhũ vàng.

Dòng chữ "**CHỨNG CHỈ**" ở giữa trang, được trình bày bằng phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 20, viết in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu nhũ vàng.

Sau đó là dòng chữ "**ĐỊNH GIÁ ĐẤT**" ở giữa trang, được trình bày bằng phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 18, viết in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu nhũ vàng.

Trang 2:

Dòng trên cùng là "**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**" được trình bày bằng phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 12, viết in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen.

Tiếp theo là ảnh màu (4 x 6cm) của học viên được cấp Chứng chỉ định giá đất có đóng dấu giáp lai của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Dòng chữ "Có giá trị đến:..." được trình bày bằng phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 12, kiểu chữ đứng; dòng chữ "Số Chứng chỉ:..." được trình bày bằng phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 12, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen.

Trang 3:

Trên cùng là Quốc hiệu "**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**" được trình bày bằng phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 12, viết in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen.

Dòng chữ dưới "**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**" được trình bày bằng phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 12, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen; phía dưới có dòng kẻ ngang, nét liền có độ dài bằng độ dài của dòng chữ.

Dòng chữ "**CHỨNG CHỈ ĐỊNH GIÁ ĐẤT**", được trình bày bằng phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 13, viết in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen;

Tiếp đến là dòng chữ "**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**", được trình bày bằng phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 10, viết in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen.

Các dòng ghi "Cấp cho ông/bà:"; "Ngày sinh:"; "Quốc tịch:"; "Số CMND/CCCD/ Hộ chiếu, Ngày cấp, Nơi cấp", "Được hành nghề tư vấn xác định giá đất trong phạm vi cả nước" được trình bày bằng phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 12, kiểu chữ đứng, màu đen.

Dòng chữ "*Hà Nội, ngày... tháng... năm...*" được trình bày bằng phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 12, kiểu chữ nghiêng, màu đen.

Trang 4:

Nội dung được trình bày bằng phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 12, kiểu chữ đứng, màu trắng.

Nội dung và hình thức cụ thể của Chứng chỉ định giá đất như sau:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **(QUỐC HUY)** **CHỨNG CHỈ ĐỊNH GIÁ ĐẤT**	Người được cấp Chứng chỉ định giá đất phải chấp hành các quy định sau đây: 1. Không được sửa chữa, tẩy xóa lên bề mặt hoặc nội dung của Chứng chỉ định giá đất. 2. Không được cho thuê, cho mượn hoặc cho các tổ chức, cá nhân khác sử dụng tên và Chứng chỉ định giá đất của mình để thực hiện các hoạt động tư vấn xác định giá đất. 3. Không được sử dụng vào các mục đích khác mà pháp luật không cho phép.
Trang bìa 1	Trang bìa 4
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG Ảnh 4 x 6 của người được cấp Chứng chỉ (đóng dấu giáp lai của Bộ TN&MT) Có giá trị đến: Số Chứng chỉ:	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **CHỨNG CHỈ ĐỊNH GIÁ ĐẤT** **BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG** Cấp cho ông/bà: Ngày sinh: Quốc tịch: Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp: Được hành nghề tư vấn xác định giá đất trong phạm vi cả nước. *Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....* **BỘ TRƯỞNG**
Trang 2	Trang 3

Phụ lục số 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2015/TT-BTNMT ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Ảnh 4 x 6cm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ ĐỊNH GIÁ ĐẤT

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường (Văn phòng một cửa)

1. Họ và tên:..... Nam/Nữ.....
2. Ngày, tháng, năm sinh...../...../.....
3. Quê quán:.....
4. Quốc tịch:.....
5. Số chứng minh nhân dân (hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu):.....
   Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
6. Đơn vị công tác:.....
7. Địa chỉ liên hệ:.....
8. Số điện thoại để liên hệ: di động:..... cố định:.....; email:.....
9. Trình độ chuyên môn *(ghi rõ chuyên ngành đào tạo)*:.....

Kèm theo đơn 01 bộ hồ sơ, gồm các giấy tờ (ghi rõ bản gốc hay bản sao) sau đây:

1) .....
2) .....
3) .....
.....

10. Đăng ký nhận kết quả: ☐ Trực tiếp ☐ Qua đường bưu điện và trả phí để nhận qua đường bưu điện.

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề tư vấn xác định giá đất theo Chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật./.

....., ngày..... tháng.....năm.....
Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 03

(Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2015/TT-BTNMT ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN
THỜI GIAN THỰC TẾ LÀM VIỆC THEO NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH

Kính gửi: *(Tên cơ quan, đơn vị nơi đã/đang công tác)*.....

(Địa chỉ cơ quan, đơn vị).....

1. Họ và tên: .....

2. Năm sinh: .....

3. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:..... Cấp ngày:..... Nơi cấp: .....

4. Đăng ký thường trú tại: .....

5. Nơi ở hiện nay:.....

6. Đề nghị Quý cơ quan/đơn vị xác nhận về quá trình làm việc thực tế của tôi tại cơ quan, đơn vị như sau:

Thời gian Từ..... đến.....	**Bộ phận làm việc**	**Chức danh, công việc**	**Số tháng làm việc thực tế theo chuyên ngành**

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
Xác nhận nội dung kê khai về quá trình công tác thực tế của Ông Bà ..... nêu trên là đúng sự thật.
(Ký, ghi rõ họ tên người đại diện theo pháp luật của cơ quan, đơn vị xác nhận và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm....
Người đề nghị
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Mỗi cơ quan, đơn vị chỉ có thẩm quyền xác nhận thông tin của cá nhân trong thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị đó.

Phụ lục số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2015/TT-BTNMT ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Ảnh 4 x 6cm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, CẤP LẠI CHỨNG CHỈ ĐỊNH GIÁ ĐẤT

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường (Văn phòng một cửa)

1. Họ và tên:..... Nam/Nữ.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:.....
3. Quê quán:.....
4. Quốc tịch:.....
5. Số chứng minh nhân dân (hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu):.....
   Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
6. Địa chỉ thường trú:.....
7. Đơn vị công tác:.....
8. Địa chỉ liên hệ:.....
9. Số điện thoại liên hệ: di động:..... cố định:..... email:.....
10. Số Chứng chỉ đã cấp:..... ngày cấp:.....
11. Lý do đề nghị cấp đổi, cấp lại Chứng chỉ:.....

Kèm theo đơn 01 bộ hồ sơ, gồm các giấy tờ (ghi rõ bản gốc hay bản sao) sau đây:

1) .....
2) .....
3) .....
.....

12. Đăng ký nhận kết quả: ☐ Trực tiếp ☐ Qua đường bưu điện và trả phí để nhận qua đường bưu điện.

Đề nghị được cấp đổi/cấp lại Chứng chỉ định giá đất. Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung trong Đơn này và cam kết:

- Hiện tại tôi không bị cấm hành nghề tư vấn xác định giá đất theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không trong tình trạng bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Hành nghề theo đúng Chứng chỉ định giá đất được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2015/TT-BTNMT ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-BTNMT	*Hà Nội, ngày tháng năm 20...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Chứng chỉ định giá đất

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Thông tư số 61/2015/TT-BTNMT ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về cấp và quản lý Chứng chỉ định giá đất;

Theo đề nghị của.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Chứng chỉ định giá đất cho các cá nhân đủ điều kiện cấp Chứng chỉ *(danh sách kèm theo).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai, Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 2; - Lưu: VT, TCQLĐĐ (CKTPTQĐ).	**BỘ TRƯỞNG**

Phụ lục số 06

(Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2015/TT-BTNMT ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-BTNMT	*Hà Nội, ngày tháng năm 20...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu hồi Chứng chỉ định giá đất

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Thông tư số 61/2015/TT-BTNMT ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về cấp và quản lý Chứng chỉ định giá đất;

Theo đề nghị của.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi Chứng chỉ định giá đất của ông (bà)....., số Chứng chỉ.... cấp ngày..../.../.... do thuộc các trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ định giá đất quy định tại Điều 8 Thông tư số 61/2015/TT-BTNMT ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về cấp và quản lý Chứng chỉ định giá đất.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý đất đai, Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất nơi cá nhân có Chứng chỉ định giá đất bị thu hồi hành nghề và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 2; - Cổng TTĐT Bộ TN&MT, TCQLĐĐ; - Lưu: VT, CKTPTQĐ.	**BỘ TRƯỞNG**